

THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SỞ HỮU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

(Ngày hiệu lực: 15/04/2025)

Lưu ý : Trường hợp số lượng CK NĐTNN nắm giữ thêm <0 (vượt room), NĐTNN và tổ chức kinh tế có NĐTNN sở hữu trên 50% vốn đi đều lệ chỉ được phép bán CK cho đến khi tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại công ty đã bị chúng bằng hoặc nhỏ hơn tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa công bố.

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
SÀN HOSE							
1	AAA	100%	382.274.496	7.642.317	2%	374.632.179	
2	AAM	49%	6.049.741	118.227	0.96%	5.931.514	
3	AAT	50%	35.409.551	563.192	0.80%	34.846.359	
4	ABR	49%	9.800.000	9.684.300	48.42%	115.700	
5	ABS	0%	0	1.352	0%	-1.352	
6	ABT	50%	7.193.603	322.245	2.24%	6.871.358	
7	ACB	30%	1.339.997.373	1.339.997.373	30%	0	
8	ACC	0%	0	8.055.131	7.67%	-8.055.131	
9	ACG	50%	75.393.973	58.125.411	38.55%	17.268.562	
10	ACL	39.54%	19.832.876	1.145.559	2.28%	18.687.317	
11	ADG	65%	13.897.338	9.759.174	45.65%	4.138.164	
12	ADP	100%	23.039.850	196.140	0.85%	22.843.710	
13	ADS	50%	38.197.363	115.341	0.15%	38.082.022	
14	AGG	50%	81.264.040	1.545.812	0.95%	79.718.228	
15	AGM	0%	0	101.890	0.56%	-101.890	
16	AGR	100%	215.391.309	621.134	0.29%	214.770.175	
17	ANV	49%	130.667.075	1.748.086	0.66%	128.918.989	
18	APG	100%	223.621.942	33.525.570	14.99%	190.096.372	
19	APH	100%	243.884.268	68.316.297	28.01%	175.567.971	
20	ASG	30%	27.235.400	672.092	0.74%	26.563.308	
21	ASM	49%	181.387.342	45.990.544	12.42%	135.396.798	
22	ASP	49%	18.296.565	18.291.964	48.99%	4.601	
23	AST	49%	22.050.000	19.840.130	44.09%	2.209.870	
24	ATP	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	(*)
25	BAF	50%	119.510.821	10.412.099	4.36%	109.098.722	
26	BBC	50%	9.376.343	126.488	0.67%	9.249.855	
27	BCE	49%	17.150.000	552.784	1.58%	16.597.216	
28	BCG	50%	440.105.322	14.144.220	1.61%	425.961.102	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NDTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
29	BCM	34%	351.900.000	20.654.514	2%	331.245.486	
30	BFC	50%	28.583.996	1.458.920	2.55%	27.125.076	
31	BHN	49%	113.582.000	40.709.205	17.56%	72.872.795	
32	BIC	49%	57.465.678	53.369.098	45.51%	4.096.580	
33	BID	30%	2.106.408.575	1.236.189.161	17.61%	870.219.414	
34	BKG	50%	35.804.510	72.240	0.10%	35.732.270	
35	BMC	49%	6.072.388	684.552	5.52%	5.387.836	
36	BMI	49%	64.994.980	39.558.518	29.82%	25.436.462	
37	BMP	100%	81.860.938	68.182.660	83.29%	13.678.278	
38	BRC	50%	6.187.498	166.247	1.34%	6.021.251	
39	BSI	100%	223.060.701	89.691.529	40.21%	133.369.172	
40	BSR	49%	1.519.244.811	9.168.093	0.30%	1.510.076.718	
41	BTP	49%	29.637.944	5.141.980	8.5%	24.495.964	
42	BTB	0%	0	662.943	4.91%	-662.943	
43	BVH	49%	363.738.154	198.026.336	26.68%	165.711.818	
44	BWE	49%	107.765.035	23.935.460	10.88%	83.829.575	
45	C32	50%	7.515.072	157.271	1.05%	7.357.801	
46	C47	0%	0	16.323	0.04%	-16.323	
47	CACB2403	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
48	CACB2404	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
49	CACB2405	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
50	CACB2501	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
51	CACB2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
52	CACB2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
53	CACB2504	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
54	CACB2505	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
55	CACB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
56	CCI	0%	0	417.550	2.35%	-417.550	
57	CCL	50%	29.790.709	1.014.845	1.7%	28.775.864	
58	CDC	49%	10.774.470	94.585	0.43%	10.679.885	
59	CFPT2402	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
60	CFPT2403	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
61	CFPT2404	100%	12.000.000	24.720	0.21%	11.975.280	
62	CFPT2405	100%	2.000.000	3.500	0.18%	1.996.500	
63	CFPT2407	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
64	CFPT2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
65	CFPT2502	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
66	CFPT2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
67	CFPT2504	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
68	CFPT2505	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
69	CFPT2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
70	CFPT2507	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
71	CFPT2508	100%	1.000.000	3.200	0.32%	996.800	
72	CFPT2509	100%	1.000.000	1.000.000	100%	0	(*)
73	CFPT2510	100%	1.000.000	1.000.000	100%	0	(*)
74	CHDB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
75	CHDB2502	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
76	CHDB2503	100%	3.000.000	3.000.000	100%	0	(*)
77	CHDB2504	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
78	CHDB2505	100%	2.000.000	2.000.000	100%	0	(*)
79	CHP	0%	0	5.573.776	3.79%	-5.573.776	
80	CHPG2402	100%	10.500.000	0	0%	10.500.000	
81	CHPG2406	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
82	CHPG2407	100%	35.000.000	1.100	0%	34.998.900	
83	CHPG2408	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
84	CHPG2409	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
85	CHPG2410	100%	4.000.000	0	0%	4.000.000	
86	CHPG2412	100%	8.000.000	4.173.900	52.17%	3.826.100	
87	CHPG2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
88	CHPG2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
89	CHPG2503	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
90	CHPG2504	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
91	CHPG2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
92	CHPG2506	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
93	CHPG2507	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
94	CHPG2508	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
95	CHPG2509	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
96	CHPG2510	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
97	CHPG2511	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
98	CHPG2512	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
99	CHPG2513	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
100	CHPG2514	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
101	CHPG2515	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
102	CHPG2516	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
103	CIG	0%	0	11.413	0.02%	-11.413	
104	CII	40%	219.190.633	19.333.662	3.53%	199.856.971	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
105	CKG	0%	0	17.321	0.02%	-17.321	
106	CLC	49%	12.841.715	533.737	2.04%	12.307.978	
107	CLL	49%	16.660.000	3.189.101	9.38%	13.470.899	
108	CLW	49%	6.370.000	612.990	4.72%	5.757.010	
109	CMBB2402	100%	11.000.000	800.000	7.27%	10.200.000	
110	CMBB2405	100%	27.000.000	0	0%	27.000.000	
111	CMBB2406	100%	33.000.000	0	0%	33.000.000	
112	CMBB2407	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
113	CMBB2409	100%	1.000.000	205.200	20.52%	794.800	
114	CMBB2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
115	CMBB2502	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
116	CMBB2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
117	CMBB2504	100%	6.000.000	52.000	0.87%	5.948.000	
118	CMBB2505	100%	2.500.000	800.000	32%	1.700.000	
119	CMBB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
120	CMBB2507	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
121	CMBB2508	100%	1.500.000	0	0%	1.500.000	
122	CMG	50%	105.669.803	76.670.734	36.28%	28.999.069	
123	CMSN2404	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
124	CMSN2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
125	CMSN2406	100%	6.000.000	54.000	0.90%	5.946.000	
126	CMSN2408	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
127	CMSN2501	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
128	CMSN2502	100%	14.000.000	0	0%	14.000.000	
129	CMSN2503	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
130	CMSN2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
131	CMSN2505	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
132	CMSN2506	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
133	CMSN2507	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
134	CMSN2508	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
135	CMSN2509	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
136	CMSN2510	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
137	CMV	0%	0	6.903	0.04%	-6.903	
138	CMWG2401	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
139	CMWG2405	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
140	CMWG2406	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
141	CMWG2407	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
142	CMWG2408	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
143	CMWG2410	100%	1.500.000	197.500	13.17%	1.302.500	
144	CMWG2501	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
145	CMWG2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
146	CMWG2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
147	CMWG2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
148	CMWG2505	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
149	CMWG2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
150	CMWG2507	100%	1.500.000	1.500.000	100%	0	(*)
151	CMWG2508	100%	1.500.000	1.500.000	100%	0	(*)
152	CMX	50%	50.949.495	18.623.512	18.28%	32.325.983	
153	CNG	49%	17.198.816	847.875	2.42%	16.350.941	
154	COM	49%	6.919.107	27.620	0.20%	6.891.487	
155	CRC	0%	0	41.080	0.07%	-41.080	
156	CRE	50%	231.839.267	18.150.810	3.91%	213.688.457	
157	CRV	50%	336.208.320	0	0%	336.208.320	(*)
158	CSHB2401	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
159	CSHB2403	100%	4.000.000	1.756.500	43.91%	2.243.500	
160	CSHB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
161	CSHB2502	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
162	CSHB2503	100%	5.000.000	5.000.000	100%	0	(*)
163	CSHB2504	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
164	CSHB2505	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
165	CSM	50%	51.813.233	884.668	0.85%	50.928.565	
166	CSSB2501	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
167	CSSB2502	100%	3.000.000	3.000.000	100%	0	(*)
168	CSSB2503	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
169	CSSB2504	100%	2.000.000	2.000.000	100%	0	(*)
170	CSTB2402	100%	10.500.000	0	0%	10.500.000	
171	CSTB2408	100%	30.000.000	0	0%	30.000.000	
172	CSTB2409	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
173	CSTB2410	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
174	CSTB2411	100%	4.000.000	0	0%	4.000.000	
175	CSTB2413	100%	8.000.000	7.591.000	94.89%	409.000	
176	CSTB2501	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
177	CSTB2502	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
178	CSTB2503	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
179	CSTB2504	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
180	CSTB2505	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
181	CSTB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
182	CSTB2507	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
183	CSTB2508	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
184	CSTB2509	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
185	CSTB2510	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
186	CSTB2511	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
187	CSTB2512	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
188	CSV	50%	55.249.955	2.332.153	2.11%	52.917.802	
189	CTCB2403	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
190	CTCB2404	100%	3.000.000	10.000	0.33%	2.990.000	
191	CTCB2406	100%	1.000.000	170.600	17.06%	829.400	
192	CTCB2501	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
193	CTCB2502	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
194	CTCB2503	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
195	CTCB2504	100%	2.000.000	165.200	8.26%	1.834.800	
196	CTCB2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
197	CTCB2506	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
198	CTD	49%	50.780.297	50.780.297	49%	0	
199	CTF	49%	46.870.390	1.059.726	1.11%	45.810.664	
200	CTG	30%	1.610.997.524	1.440.559.625	26.83%	170.437.899	
201	CTI	49%	30.869.998	394.460	0.63%	30.475.538	
202	CTPB2403	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
203	CTPB2405	100%	1.000.000	100	0.01%	999.900	
204	CTPB2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
205	CTR	49%	56.049.080	9.260.905	8.1%	46.788.175	
206	CTS	49%	72.881.772	751.799	0.51%	72.129.973	
207	CVHM2406	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
208	CVHM2407	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
209	CVHM2408	100%	7.000.000	0	0%	7.000.000	
210	CVHM2409	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
211	CVHM2411	100%	4.000.000	3.897.100	97.43%	102.900	
212	CVHM2501	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
213	CVHM2502	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
214	CVHM2503	100%	1.500.000	20.100	1.34%	1.479.900	
215	CVHM2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
216	CVHM2505	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
217	CVHM2506	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
218	CVHM2507	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
219	CVHM2508	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
220	CVHM2509	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
221	CVIB2402	100%	10.000.000	10.000	0.10%	9.990.000	
222	CVIB2405	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
223	CVIB2406	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
224	CVIB2407	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
225	CVIB2408	100%	2.000.000	0	0%	2.000.000	
226	CVIB2501	100%	23.000.000	0	0%	23.000.000	
227	CVIB2502	100%	13.000.000	0	0%	13.000.000	
228	CVIB2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
229	CVIC2404	100%	20.000.000	0	0%	20.000.000	
230	CVIC2405	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
231	CVIC2407	100%	4.000.000	3.081.900	77.05%	918.100	
232	CVIC2501	100%	24.000.000	0	0%	24.000.000	
233	CVIC2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
234	CVIC2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
235	CVIC2504	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
236	CVIC2505	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
237	CVIC2506	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
238	CVIC2507	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
239	CVIC2508	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
240	CVJC2501	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
241	CVJC2502	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
242	CVJC2503	100%	3.000.000	3.000.000	100%	0	(*)
243	CVNM2401	100%	8.000.000	370.000	4.63%	7.630.000	
244	CVNM2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
245	CVNM2406	100%	10.000.000	0	0%	10.000.000	
246	CVNM2407	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	
247	CVNM2501	100%	16.000.000	0	0%	16.000.000	
248	CVNM2502	100%	10.000.000	10.000	0.10%	9.990.000	
249	CVNM2503	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
250	CVNM2504	100%	1.000.000	0	0%	1.000.000	
251	CVNM2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
252	CVNM2506	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
253	CVNM2507	100%	3.000.000	3.000.000	100%	0	(*)
254	CVNM2508	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
255	CVNM2509	100%	2.000.000	2.000.000	100%	0	(*)
256	CVPB2401	100%	9.000.000	0	0%	9.000.000	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
257	CVPB2407	100%	40.000.000	0	0%	40.000.000	
258	CVPB2408	100%	25.000.000	0	0%	25.000.000	
259	CVPB2409	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
260	CVPB2410	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
261	CVPB2412	100%	4.000.000	2.204.200	55.11%	1.795.800	
262	CVPB2501	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
263	CVPB2502	100%	8.000.000	0	0%	8.000.000	
264	CVPB2503	100%	24.000.000	0	0%	24.000.000	
265	CVPB2504	100%	3.000.000	200.000	6.67%	2.800.000	
266	CVPB2505	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
267	CVPB2506	100%	6.000.000	4.354.400	72.57%	1.645.600	
268	CVPB2507	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
269	CVPB2508	100%	5.000.000	5.000.000	100%	0	(*)
270	CVPB2509	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
271	CVPB2510	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
272	CVRE2405	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
273	CVRE2406	100%	18.000.000	0	0%	18.000.000	
274	CVRE2407	100%	6.000.000	0	0%	6.000.000	
275	CVRE2408	100%	3.000.000	0	0%	3.000.000	
276	CVRE2410	100%	4.000.000	1.036.200	25.91%	2.963.800	
277	CVRE2501	100%	9.000.000	2.000	0.02%	8.998.000	
278	CVRE2502	100%	15.000.000	0	0%	15.000.000	
279	CVRE2503	100%	11.000.000	0	0%	11.000.000	
280	CVRE2504	100%	5.000.000	0	0%	5.000.000	
281	CVRE2505	100%	12.000.000	0	0%	12.000.000	
282	CVRE2506	100%	8.000.000	8.000.000	100%	0	(*)
283	CVRE2507	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
284	CVRE2508	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
285	CVRE2509	100%	6.000.000	6.000.000	100%	0	(*)
286	CVRE2510	100%	4.000.000	4.000.000	100%	0	(*)
287	CVT	50%	18.345.443	165.803	0.45%	18.179.640	
288	D2D	50%	15.152.379	334.493	1.1%	14.817.886	
289	DAH	0%	0	3.030	0%	-3.030	
290	DAT	0%	0	5.502	0.01%	-5.502	
291	DBC	49%	163.987.881	6.922.087	2.07%	157.065.794	
292	DBD	100%	93.593.847	13.881.222	14.83%	79.712.625	
293	DBT	0%	0	238.133	1.16%	-238.133	
294	DC4	50%	43.311.950	797.580	0.92%	42.514.370	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NDTNN được nằm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
295	DCL	0%	0	810.493	1.11%	-810.493	
296	DCM	49%	259.406.000	27.628.241	5.22%	231.777.759	
297	DGC	49%	186.091.850	58.409.797	15.38%	127.682.053	
298	DGW	49%	107.466.882	41.326.890	18.84%	66.139.992	
299	DHA	49%	7.408.773	1.582.192	10.46%	5.826.581	
300	DHC	50%	40.246.524	30.447.875	37.83%	9.798.649	
301	DHG	100%	130.746.071	70.260.826	53.74%	60.485.245	
302	DHM	0%	0	45.580	0.13%	-45.580	
303	DIG	49%	298.827.477	16.713.501	2.74%	282.113.976	
304	DLG	49%	146.661.762	19.045.027	6.36%	127.616.735	
305	DMC	100%	34.727.465	19.670.626	56.64%	15.056.839	
306	DPG	49%	30.869.781	4.762.840	7.56%	26.106.941	
307	DPM	49%	191.786.000	33.779.286	8.63%	158.006.714	
308	DPR	50%	43.442.966	3.770.930	4.34%	39.672.036	
309	DQC	49%	16.836.113	201.481	0.59%	16.634.632	
310	DRC	0%	0	9.990.406	8.41%	-9.990.406	
311	DRH	50%	62.176.933	1.491.024	1.2%	60.685.909	
312	DRL	0%	0	277.270	2.92%	-277.270	
313	DSC	100%	204.838.925	30.850	0.02%	204.808.075	
314	DSE	100%	330.000.000	44.070.767	13.35%	285.929.233	
315	DSN	49%	5.920.674	1.829.797	15.14%	4.090.877	
316	DTA	49%	8.849.317	35.704	0.20%	8.813.613	
317	DTL	49%	30.103.445	395	0%	30.103.050	
318	DTT	49%	3.994.391	17.604	0.22%	3.976.787	
319	DVP	49%	19.600.000	5.237.092	13.09%	14.362.908	
320	DXG	50%	436.298.734	182.066.358	20.86%	254.232.376	
321	DXS	50%	289.551.562	119.052.259	20.56%	170.499.303	
322	DXV	49%	4.851.000	53.750	0.54%	4.797.250	
323	E1VFN30	100%	232.500.000	195.241.822	83.97%	37.258.178	
324	EIB	29.97043%	560.090.574	68.817.548	3.68%	491.273.026	
325	ELC	49%	42.852.423	2.732.311	3.12%	40.120.112	
326	EVE	100%	41.979.773	28.060.548	66.84%	13.919.225	
327	EVF	15%	114.084.870	2.115.384	0.28%	111.969.486	
328	EVG	49%	105.472.419	846.269	0.39%	104.626.150	
329	FCM	49%	22.651.046	1.295.599	2.8%	21.355.447	
330	FCN	50%	78.719.502	49.425.216	31.39%	29.294.286	
331	FDC	50%	19.314.994	6.831	0.02%	19.308.163	
332	FIR	50%	32.122.640	91.305	0.14%	32.031.335	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
333	FIT	0%	0	96.751	0.03%	-96.751	
334	FMC	50%	32.694.444	20.469.120	31.3%	12.225.324	
335	FPT	49%	720.823.899	619.224.440	42.09%	101.599.459	
336	FRT	49%	66.758.770	43.503.525	31.93%	23.255.245	
337	FTS	100%	305.919.366	91.044.833	29.76%	214.874.533	
338	FUCTVGF3	49%	9.751.392	0	0%	9.751.392	
339	FUCTVGF4	49%	9.829.400	0	0%	9.829.400	
340	FUCTVGF5	49%	8.467.200	80.000	0.46%	8.387.200	
341	FUCVREIT	49%	2.450.000	83.120	1.66%	2.366.880	
342	FUEABVND	100%	7.400.000	646.279	8.73%	6.753.721	
343	FUEBFVND	100%	3.800.000	0	0%	3.800.000	
344	FUEDCMID	100%	28.300.000	22.962.810	81.14%	5.337.190	
345	FUEFCV50	100%	5.600.000	103.925	1.86%	5.496.075	
346	FUEIP100	100%	5.300.000	119.400	2.25%	5.180.600	
347	FUEKIV30	100%	207.700.000	196.579.800	94.65%	11.120.200	
348	FUEKIVFS	100%	22.200.000	18.557.000	83.59%	3.643.000	
349	FUEKIVND	100%	7.800.000	7.674.100	98.39%	125.900	
350	FUEMAV30	100%	48.200.000	44.113.687	91.52%	4.086.313	
351	FUEMAVN D	100%	22.600.000	20.996.398	92.9%	1.603.602	
352	FUESSV30	100%	9.200.000	2.376.432	25.83%	6.823.568	
353	FUESSV50	100%	6.100.000	1.796.269	29.45%	4.303.731	
354	FUESSVFL	100%	19.000.000	8.556.549	45.03%	10.443.451	
355	FUETCC50	100%	6.300.000	0	0%	6.300.000	
356	FUEVFNND	100%	345.900.000	313.912.778	90.75%	31.987.222	
357	FUEVN100	100%	28.100.000	960.671	3.42%	27.139.329	
358	GAS	49%	1.147.909.730	40.576.916	1.73%	1.107.332.814	
359	GDT	50%	11.941.778	2.561.937	10.73%	9.379.841	
360	GEE	50%	152.500.000	557.851	0.18%	151.942.149	
361	GEG	50%	211.254.185	193.193.475	45.73%	18.060.710	
362	GEX	50%	429.714.896	91.676.699	10.67%	338.038.198	
363	GIL	50%	50.800.033	1.649.765	1.62%	49.150.268	
364	GMD	49%	205.894.231	172.429.356	41.04%	33.464.875	
365	GMH	50%	8.250.000	119.700	0.73%	8.130.300	
366	GSP	0%	0	423.338	0.69%	-423.338	
367	GTA	49%	5.096.000	10.084	0.10%	5.085.916	
368	GVR	13%	520.000.000	30.338.410	0.76%	489.661.590	
369	HAG	49%	518.159.294	24.877.049	2.35%	493.282.245	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
370	HAH	30%	36.402.927	11.863.522	9.78%	24.539.405	
371	HAP	49%	54.437.908	2.280.480	2.05%	52.157.428	
372	HAR	49%	49.661.549	2.548.232	2.51%	47.113.317	
373	HAS	49%	3.920.000	1.229.994	15.37%	2.690.006	
374	HAX	50%	53.719.840	25.136.693	23.4%	28.583.147	
375	HCD	0%	0	73.321	0.20%	-73.321	
376	HCM	49%	353.197.650	304.662.446	42.27%	48.535.204	
377	HDB	17.5%	614.274.894	595.703.625	16.97%	18.571.269	
378	HDC	49%	87.393.933	5.325.182	2.99%	82.068.751	
379	HDG	50%	168.165.764	65.857.228	19.58%	102.308.536	
380	HHP	49%	42.411.628	5.883.343	6.8%	36.528.285	
381	HHS	50%	183.992.984	5.316.036	1.44%	178.676.948	
382	HHV	49%	211.805.208	30.003.636	6.94%	181.801.572	
383	HID	49%	37.614.865	334.583	0.44%	37.280.282	
384	HII	50%	36.831.508	483.307	0.66%	36.348.201	
385	HMC	0%	0	116.330	0.43%	-116.330	
386	HNA	0%	0	1.000	0%	-1.000	
387	HPG	49%	3.134.162.598	1.380.319.114	21.58%	1.753.843.484	
388	HPX	49%	149.042.604	405.613	0.13%	148.636.991	
389	HQC	50%	288.300.000	5.910.551	1.03%	282.389.449	
390	HRC	0%	0	180.416	0.60%	-180.416	
391	HSG	49%	304.281.331	45.444.863	7.32%	258.836.468	
392	HSL	49%	18.898.007	774.306	2.01%	18.123.701	
393	HT1	49%	186.979.056	5.116.066	1.34%	181.862.990	
394	HTG	0%	0	7.165	0.02%	-7.165	
395	HTI	50%	12.474.600	2.867.004	11.49%	9.607.596	
396	HTL	49%	5.880.000	3.632.569	30.27%	2.247.431	
397	HTN	49%	43.667.041	684.895	0.77%	42.982.146	
398	HTV	0%	0	772.270	5.89%	-772.270	
399	HU1	50%	5.000.000	1.701	0.02%	4.998.299	
400	HUB	50%	13.149.218	298.423	1.13%	12.850.795	
401	HVH	49%	19.915.966	565.020	1.39%	19.350.946	
402	HVN	30%	664.318.252	183.837.655	8.3%	480.480.597	
403	HVX	47.153%	19.580.401	400.400	0.96%	19.180.001	
404	ICT	100%	32.185.000	85.772	0.27%	32.099.228	
405	IDI	49%	133.854.607	2.226.900	0.82%	131.627.707	
406	IJC	49%	185.096.708	18.470.551	4.89%	166.626.157	
407	ILB	49%	12.666.251	3.377.119	13.06%	9.289.132	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nắm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nắm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
408	IMP	75%	115.532.071	76.103.824	49.4%	39.428.247	
409	ITC	0%	0	258.163	0.27%	-258.163	
410	ITD	49%	12.021.459	310.156	1.26%	11.711.303	
411	JVC	49%	55.125.083	2.340.762	2.08%	52.784.321	
412	KBC	49%	376.126.331	137.455.494	17.91%	238.670.837	
413	KDC	50%	144.903.158	52.092.767	17.98%	92.810.391	
414	KDH	50%	505.571.282	363.995.920	36%	141.575.362	
415	KHG	49%	220.223.250	2.704.856	0.60%	217.518.394	
416	KHP	0%	0	753.363	1.25%	-753.363	
417	KMR	100%	56.881.443	35.625.222	62.63%	21.256.221	
418	KOS	49%	106.075.854	188.772	0.09%	105.887.082	
419	KPF	49%	29.824.948	86.224	0.14%	29.738.724	
420	KSB	49%	56.241.760	4.542.674	3.96%	51.699.086	
421	L10	49%	4.846.100	94.143	0.95%	4.751.957	
422	LAF	49%	7.461.729	388.203	2.55%	7.073.526	
423	LBM	50%	20.000.000	6.058.794	15.15%	13.941.206	
424	LCG	50%	97.545.585	4.276.829	2.19%	93.268.756	
425	LDG	50%	128.486.292	3.564.291	1.39%	124.922.001	
426	LEC	49%	12.789.000	3.132	0.01%	12.785.868	
427	LGC	49%	94.498.834	86.756.074	44.99%	7.742.760	
428	LGL	50%	25.750.000	236.241	0.46%	25.513.759	
429	LHG	49%	24.505.884	8.048.577	16.09%	16.457.307	
430	LIX	50%	32.400.000	1.947.933	3.01%	30.452.067	
431	LM8	0%	0	43.886	0.47%	-43.886	
432	LPB	5%	149.364.105	24.122.899	0.81%	125.241.206	
433	LSS	0%	0	522.502	0.65%	-522.502	
434	MBB	23.2351%	1.417.869.154	1.355.510.396	22.21%	62.358.758	
435	MCM	100%	110.000.000	330.320	0.30%	109.669.680	
436	MCP	0%	0	28.165	0.16%	-28.165	
437	MDG	49%	5.335.625	300	0%	5.335.325	
438	MHC	49%	21.303.395	393.849	0.91%	20.909.546	
439	MIG	100%	201.433.375	33.001.360	16.38%	168.432.015	
440	MSB	30%	780.000.000	709.762.429	27.3%	70.237.571	
441	MSH	49%	36.756.909	3.674.466	4.9%	33.082.443	
442	MSN	49%	741.334.762	377.810.507	24.97%	363.524.255	
443	MWG	49%	716.499.646	682.215.672	46.66%	34.283.975	
444	NAB	30%	411.765.165	24.865.324	1.81%	386.899.841	
445	NAF	100%	67.979.281	12.917.301	19%	55.061.980	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
446	NAV	49%	3.920.000	71.865	0.90%	3.848.135	
447	NBB	50%	50.237.828	469.581	0.47%	49.768.247	
448	NCT	30%	7.850.082	4.091.017	15.63%	3.759.065	
449	NHA	49%	21.645.514	318.847	0.72%	21.326.667	
450	NHH	100%	72.880.000	335.860	0.46%	72.544.140	
451	NHT	50%	12.014.084	722.790	3.01%	11.291.294	
452	NKG	50%	223.785.440	24.233.382	5.41%	199.552.058	
453	NLG	50%	192.537.652	145.832.280	37.87%	46.705.372	
454	NNC	49%	10.740.800	1.067.438	4.87%	9.673.362	
455	NO1	49%	11.760.000	1.340.700	5.59%	10.419.300	
456	NSC	49%	8.617.624	1.599.906	9.1%	7.017.718	
457	NT2	49%	141.059.254	38.396.580	13.34%	102.662.674	
458	NTL	49%	59.770.151	16.852.051	13.82%	42.918.100	
459	NVL	49%	955.551.223	78.551.222	4.03%	877.000.001	
460	NVT	50%	45.250.000	110.720	0.12%	45.139.280	
461	OCB	22%	542.473.613	477.242.969	19.35%	65.230.644	
462	OGC	49%	147.000.000	732.916	0.24%	146.267.084	
463	OPC	0%	0	441.927	0.69%	-441.927	
464	ORS	49%	164.639.874	5.348.422	1.59%	159.291.452	
465	PAC	50%	23.235.853	5.541.564	11.92%	17.694.289	
466	PAN	49%	105.984.344	45.120.023	20.86%	60.864.321	
467	PC1	50%	178.821.060	59.154.862	16.54%	119.666.198	
468	PDN	0%	0	87.969	0.24%	-87.969	
469	PDR	50%	436.570.041	73.255.722	8.39%	363.314.319	
470	PET	0%	0	916.676	0.85%	-916.676	
471	PGC	49%	29.567.892	1.211.967	2.01%	28.355.925	
472	PGD	49%	48.509.150	46.356.975	46.83%	2.152.175	
473	PGI	100%	110.896.796	22.637.250	20.41%	88.259.546	
474	PGV	50%	561.734.023	228.656	0.02%	561.505.367	
475	PHC	50%	25.340.963	55.725	0.11%	25.285.238	
476	PHR	49%	66.394.607	22.604.579	16.68%	43.790.028	
477	PIT	0%	0	94.925	0.62%	-94.925	
478	PJT	0%	0	168.925	0.68%	-168.925	
479	PLP	49%	34.300.000	270.292	0.39%	34.029.708	
480	PLX	20%	258.775.616	226.988.660	17.54%	31.786.956	
481	PMG	49%	22.704.776	9.344.571	20.17%	13.360.205	
482	PNC	49%	5.409.718	56.007	0.51%	5.353.711	
483	PNJ	49%	165.656.640	159.234.496	47.1%	6.422.144	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NDTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
484	POW	49%	1.147.517.084	87.383.724	3.73%	1.060.133.360	
485	PPC	49%	159.855.150	29.895.037	9.16%	129.960.113	
486	PSH	0%	0	100	0%	-100	
487	PTB	25%	16.734.600	11.925.228	17.82%	4.809.372	
488	PTC	50%	16.153.662	197.498	0.61%	15.956.164	
489	PTL	0%	0	65.844	0.07%	-65.844	
490	PVD	49%	272.585.042	45.613.435	8.2%	226.971.607	
491	PVP	49%	50.814.201	3.517.425	3.39%	47.296.776	
492	PVT	49%	174.446.192	43.340.534	12.17%	131.105.658	
493	QCG	49%	134.813.361	3.553.619	1.29%	131.259.742	
494	QNP	0%	0	0	0%	0	
495	RAL	50%	11.773.709	454.612	1.93%	11.319.097	
496	RDP	50%	24.534.901	174.237	0.36%	24.360.664	
497	REE	49%	230.796.566	230.794.260	49%	2.306	
498	RYG	50%	22.500.000	5.600	0.01%	22.494.400	
499	S4A	0%	0	41.710	0.10%	-41.710	
500	SAB	100%	1.282.562.372	763.124.496	59.5%	519.437.876	
501	SAM	49%	186.180.875	1.980.714	0.52%	184.200.161	
502	SAV	50%	12.594.982	12.594.538	50%	444	
503	SBA	0%	0	159.967	0.26%	-159.967	
504	SBG	50%	24.999.981	971.801	1.94%	24.028.180	
505	SBT	100%	836.156.371	178.048.231	21.29%	658.108.140	
506	SBV	100%	27.366.476	4.023.556	14.7%	23.342.920	
507	SC5	49%	7.342.429	340.166	2.27%	7.002.263	
508	SCR	50%	215.297.518	2.532.947	0.59%	212.764.571	
509	SCS	30%	30.623.094	17.535.111	17.18%	13.087.983	
510	SFC	0%	0	74.057	0.66%	-74.057	
511	SFG	0%	0	97.473	0.20%	-97.473	
512	SFI	49%	12.194.652	2.504.982	10.07%	9.689.670	
513	SGN	30%	10.074.507	9.081.808	27.04%	992.699	
514	SGR	0%	0	6.035	0.01%	-6.035	
515	SGT	0%	0	8.201.799	5.54%	-8.201.799	
516	SHA	49%	16.388.870	289.193	0.86%	16.099.677	
517	SHB	30%	1.219.724.100	130.419.294	3.21%	1.089.304.806	
518	SHI	49%	79.466.460	443.227	0.27%	79.023.233	
519	SHP	0%	0	5.304.109	5.24%	-5.304.109	
520	SIP	49%	103.161.367	12.769.025	6.07%	90.392.342	
521	SJD	50%	34.499.310	5.211.155	7.55%	29.288.155	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NDTNN được nằm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
522	SJS	50%	57.427.770	719.774	0.63%	56.707.996	
523	SKG	49%	32.583.871	27.153.276	40.83%	5.430.595	
524	SMA	49%	9.972.889	10.418	0.05%	9.962.471	
525	SMB	49%	14.624.857	4.130.839	13.84%	10.494.018	
526	SMC	100%	73.678.587	15.008.216	20.37%	58.670.371	
527	SPM	49%	6.860.000	299.490	2.14%	6.560.510	
528	SRC	0%	0	21.957	0.08%	-21.957	
529	SRF	100%	35.566.780	16.326.000	45.9%	19.240.780	
530	SSB	5%	142.250.000	4.147.992	0.15%	138.102.008	
531	SSC	49%	7.346.259	125.608	0.84%	7.220.651	
532	SSI	100%	1.963.863.918	715.770.920	36.45%	1.248.092.998	
533	ST8	50%	12.860.451	235.761	0.92%	12.624.690	
534	STB	30%	565.564.714	395.671.727	20.99%	169.892.987	
535	STG	34%	33.406.141	29.517.947	30.04%	3.888.194	
536	STK	100%	96.636.924	16.094.325	16.65%	80.542.599	
537	SVC	49%	32.648.976	1.076.250	1.62%	31.572.726	
538	SVD	49%	13.526.894	77.878	0.28%	13.449.016	
539	SVI	100%	12.832.437	12.183.147	94.94%	649.290	
540	SVT	50%	8.655.489	30.965	0.18%	8.624.524	
541	SZC	20%	35.997.172	4.568.968	2.54%	31.428.204	
542	SZL	0%	0	4.779.375	16.42%	-4.779.375	
543	TBC	49%	31.115.000	930.604	1.47%	30.184.396	
544	TCB	22.5136%	1.590.552.461	1.590.136.161	22.51%	416.300	
545	TCD	49%	164.552.114	1.972.835	0.59%	162.579.279	
546	TCH	51%	340.790.079	59.165.524	8.85%	281.624.555	
547	TCI	100%	115.620.964	6.000.253	5.19%	109.620.711	
548	TCL	49%	14.777.633	2.071.724	6.87%	12.705.909	
549	TCM	50%	50.977.741	50.878.928	49.9%	98.813	
550	TCO	0%	0	234.570	0.75%	-234.570	
551	TCR	49%	5.082.863	4.983.644	48.04%	99.219	
552	TCT	0%	0	1.304.040	10.2%	-1.304.040	
553	TDC	50%	50.000.000	963.940	0.96%	49.036.060	
554	TDG	0%	0	1.437	0.01%	-1.437	
555	TDH	50%	56.326.383	1.036.867	0.92%	55.289.516	
556	TDM	50%	55.000.000	3.426.724	3.12%	51.573.276	
557	TDP	51%	44.993.347	99.137	0.11%	44.894.210	
558	TDW	50%	4.250.000	255.810	3.01%	3.994.190	
559	TEG	49%	59.195.215	6.237.742	5.16%	52.957.473	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NDTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NDTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NDTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NDTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NDTNN được nằm giữ thêm +/vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
560	THG	49%	12.711.524	413.238	1.59%	12.298.286	
561	TIP	50%	32.503.928	11.178.403	17.2%	21.325.525	
562	TIX	0%	0	139.259	0.46%	-139.259	
563	TLD	49%	38.093.264	45.614	0.06%	38.047.650	
564	TLG	100%	86.453.575	15.362.635	17.77%	71.090.940	
565	TLH	49%	55.036.808	1.101.350	0.98%	53.935.458	
566	TMP	49%	34.300.000	561.353	0.80%	33.738.647	
567	TMS	49%	82.980.497	72.118.695	42.59%	10.861.802	
568	TMT	49%	18.270.963	909.498	2.44%	17.361.465	
569	TN1	50%	27.316.174	44.191	0.08%	27.271.983	
570	TNC	50%	9.625.000	107.241	0.56%	9.517.759	
571	TNH	70%	100.926.889	77.801.711	53.96%	23.125.178	
572	TNI	49%	25.725.000	67.688	0.13%	25.657.312	
573	TNT	49%	24.990.000	1.153.259	2.26%	23.836.741	
574	TPB	30%	792.586.858	627.479.593	23.75%	165.107.265	
575	TPC	49%	11.970.992	402.202	1.65%	11.568.790	
576	TRA	49%	20.312.299	19.321.898	46.61%	990.401	
577	TRC	49%	14.700.000	941.816	3.14%	13.758.184	
578	TSC	0%	0	379.518	0.19%	-379.518	
579	TTA	49%	83.328.220	3.400.520	2%	79.927.700	
580	TTE	50%	14.245.200	13.370	0.05%	14.231.830	
581	TTF	50%	205.599.151	22.749.251	5.53%	182.849.900	
582	TV2	15%	10.128.924	6.316.749	9.35%	3.812.175	
583	TVB	30%	33.629.105	1.242.716	1.11%	32.386.389	
584	TVS	49%	81.827.684	36.527.204	21.87%	45.300.480	
585	TVT	0%	0	53.090	0.25%	-53.090	
586	TYA	100%	6.134.773	2.349.432	38.3%	3.785.341	
587	UIC	0%	0	795.180	9.94%	-795.180	
588	VAF	49%	18.456.020	9.934	0.03%	18.446.086	
589	VCA	0%	0	19.475	0.13%	-19.475	
590	VCB	30%	1.676.727.378	1.251.511.054	22.39%	425.216.324	
591	VCF	49%	13.023.776	141.849	0.53%	12.881.927	
592	VCG	49%	293.310.794	41.861.895	6.99%	251.448.899	
593	VCI	100%	718.099.480	213.164.822	29.68%	504.934.658	
594	VDP	35%	7.729.187	47.761	0.22%	7.681.426	
595	VDS	100%	243.000.000	6.421.175	2.64%	236.578.825	
596	VFG	51%	21.274.453	622.259	1.49%	20.652.194	
597	VGC	49%	219.691.500	25.680.894	5.73%	194.010.606	

STT	Mã CK	Tỷ lệ NĐTNN sở hữu tối đa	Số lượng CK NĐTNN được phép nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN đang nằm giữ	Tỷ lệ NĐTNN đang nằm giữ	Số lượng CK NĐTNN được nằm giữ thêm +/-vượt room (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
598	VHC	100%	224.453.159	54.452.652	24.26%	170.000.507	
599	VHM	50%	2.053.706.002	508.464.842	12.38%	1.545.241.160	
600	VIB	4.99%	148.658.477	148.658.477	4.99%	0	
601	VIC	48.017596%	1.862.402.462	361.544.770	9.32%	1.500.857.692	
602	VID	50%	20.418.034	432.096	1.06%	19.985.938	
603	VIP	49%	33.550.761	9.378.270	13.7%	24.172.491	
604	VIX	100%	1.458.513.173	135.172.920	9.27%	1.323.340.253	
605	VJC	30%	162.483.400	68.803.146	12.7%	93.680.254	
606	VMD	49%	7.565.731	186.311	1.21%	7.379.420	
607	VND	100%	1.522.299.908	168.811.397	11.09%	1.353.488.511	
608	VNE	49%	44.312.146	807.229	0.89%	43.504.917	
609	VNG	49%	47.665.537	306.250	0.31%	47.359.287	
610	VNL	49%	6.928.838	1.794.993	12.69%	5.133.845	
611	VNM	100%	2.089.955.445	1.029.916.587	49.28%	1.060.038.858	
612	VNS	49%	33.251.004	1.761.219	2.6%	31.489.785	
613	VOS	49%	68.600.000	1.276.380	0.91%	67.323.620	
614	VPB	30%	2.380.177.080	1.952.141.118	24.6%	428.035.962	
615	VPD	50%	53.294.814	33.181.516	31.13%	20.113.298	
616	VPG	49%	43.323.717	179.806	0.20%	43.143.911	
617	VPH	49%	46.725.322	293.494	0.31%	46.431.828	
618	VPI	49%	156.824.292	38.915.679	12.16%	117.908.613	
619	VPS	49%	11.985.788	9.915	0.04%	11.975.873	
620	VRC	49%	24.500.000	67.775	0.14%	24.432.225	
621	VRE	49%	1.141.121.020	451.727.954	19.4%	689.393.066	
622	VSC	49%	146.755.401	5.886.139	1.97%	140.869.262	
623	VSH	49%	115.758.210	28.105.751	11.9%	87.652.459	
624	VSI	49%	6.468.000	180.966	1.37%	6.287.034	
625	VTB	49%	5.871.204	209.719	1.75%	5.661.485	
626	VTO	49%	39.134.666	10.475.207	13.12%	28.659.459	
627	VTP	49%	59.673.690	8.091.437	6.64%	51.582.253	
628	YBM	49%	7.006.941	21.346	0.15%	6.985.595	
629	YEG	49%	93.982.997	15.535.058	8.1%	78.447.939	

Ghi chú:

(*): CK đã đăng ký niêm yết nhưng chưa giao dịch.

(**): Trường hợp số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm lớn hơn số lượng CK được niêm yết tại SGDCK (niêm yết một phần) thì số lượng CK NĐTNN được nắm giữ thêm bằng số lượng CK niêm yết.

**TUQ. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
KT. TRƯỞNG BAN TTBT
PHÓ TRƯỞNG BAN**